**1. Đề thi giữa kì 1 Khoa học tự nhiên 6 Kết nối tri thức**

**1. Đề thi giữa kì 1 Khoa học tự nhiên 6 phần Vật lý**

**Phân môn: Vật lý (10 câu – 2,5 điểm)**

**Câu 1:**Nhà Nam có một kính lúp, hành động nào sau đây khi bảo vệ kính lúp của Nam là sai?

A. Lau chùi bằng khăn mềm.
C. Để kính ở chậu cây tiện cho những lần sử dụng
B. Cất kính vào hộp kín.
D. Dùng xong rửa kính bằng nước sạch.

**Câu 2:**Kính lúp cầm tay có tác dụng khi quan sát các vật nhỏ :

A. Nhìn vật xa hơn
C. Phóng to ảnh của một vật
B. Làm ảnh của vật nhỏ hơn
D. Không thay đổi kích thước của ảnh

**Câu 3:** Tấm kính dùng làm kính lúp có:

A. Phần rìa dày hơn phần giữa
C. Có hai mặt phẳng
B. Có phần rìa mỏng hơn phần giữa
D. Có phần giữa bị lõm.

**Câu 4:** Đơn vị đô độ dài hợp pháp ở nước ta là:

A. mm
C. km
B. cm
D. m

**Câu 5:**Từ hình vẽ, hãy xác định chiều dài của khối hộp?

A. 3cm
B. 4cm
C. 2cm
D. 5cm

**Câu 6:**Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?



**Câu 7:**Một hộp sữa có ghi 900g. 900g chỉ?

A. Khối lượng của cả hộp sữa
C. Khối lượng của sữa trong hộp
B. Khối lượng của vỏ hộp sữa
D. Khối lượng hộp sữa là 900g

**Câu 8:**Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là:

A. gam
C. Tạ
B. Kilogam
D. Tấn

**Câu 9:** Thao tác nào là sai khi dùng cân đồng hồ?

A. Đặt vật cân bằng trên đĩa cân
C. Đọc kết quả khi cân khi đã ổn định
B. Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ
D. Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng

**Câu 10:**Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?

A. Đồng hồ đeo tay
C. Đồng hồ điện tử
B. Đồng hồ quả lắc.
D. Đồng hồ bấm giây

**Đáp án Đề thi giữa kì 1 KHTN 6 phần Vật Lý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân môn** | **Đáp án Mỗi câu đúng 0,25 điểm** |
| **Vật Lý** | 1.C | 2.C | 3.B | 4.D | 5.A | 6.B | 7.C | 8.B | 9.D | 10.D |

**2. Đề thi giữa kì 1 Khoa học tự nhiên 6 phần Sinh học**

**Phân môn: Sinh học (20 câu – 5 điểm)**

Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

**Câu 11.**Lĩnh vực nào sau đây không thuộc về khoa học tự nhiên

A. Sinh Hóa
C. Lịch sử
B. Thiên văn
D. Địa chất

**Câu 12.** Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi:

A. Tế bào biểu bì vảy hành
C. Con ong
B. Con kiến
D. Tép bưởi

**Câu 13.** Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm:

A. Thị kính, vật kính
B. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu
C. Ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)
D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

**Câu 14.**Loại tế bào dài nhất trong cơ thể là:

A. Tế bào thần kinh
C. Tế bào vi khuẩn
B. Tế bào lông hút (rễ)
D. Tế bào lá cây

**Câu 15.** Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào:

A. Các loại tế bào khác nhau đều có chung hình dạng và kích thước
B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
C. Các loại tế bào thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
D. Các tế bào chỉ khác nhau về kích thước , chúng giống nhau về hình dạng.

**Câu 16.**Cây lớn lên nhờ:

A. Sự lớn lên và phân chia của tế bào.
B. Sự tăng kích thước của nhân tế bào.
C. Nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu
D. Các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu

**Câu 17.**Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện quá trình sống cơ bản nào?

A. Cảm ứng và vận động
C. Hô hấp
B. Sinh trưởng và vận động
D. Cả A,B,C đúng

**Câu 18.**Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật sống:

A. Con gà, con chó, cây nhãn
C. Chiếc lá, cây mồng tơi, hòn đá
B. Chiếc bút, chiếc lá, viên phấn
D. Chiếc bút, con vịt, con chó

**Câu 19**. Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật không sống:

A. Con gà, con chó, cây nhãn
C. Chiếc lá, cây bút, hòn đá
B. Con gà, cây nhãn, miếng thịt
D. Chiếc bút, con vịt, con chó

**Câu 20.** Từ 1 tế bào ban đầu sau 5 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra số tế bào con là:

A. 32
B. 4
C. 8
D. 16

**Câu 21**. Để đạt được chiều cao tối ưu theo em cần:

A. Có chế độ dinh dưỡng hợp lí
C. Ngồi học đúng tư thế
B. Tập thể dục thể thao thường xuyên
D. Cả 3 đáp án trên đúng

**Câu 22**.Trong các bước sau bước nào không đúng trong quy trình quan sát tế bào trứng cá:

A. Dùng thìa lấy 1 ít trứng cá cho vào đĩa petri
B. Nhỏ một ít nước vào đĩa
C. Dùng kim mũi mác khoắng nhẹ để trứng cá tách rời nhau.
D. Sử dụng kim mũi mác lột nhẹ lớp tế bào trên cùng của vết cắt

**Câu 23**. Một con lợn con lúc mới đẻ được 0.8 kg. Sau 1 tháng nặng 3.0 kg. Theo em tại sao lại có sự tăng khối lượng như vậy?

A. Do tế bào tăng kích thước
B. Do dự tăng lên về kích thước và số lượng các tế bào trong cơ thể.
C. Do tăng số lượng tế bào
D. Do tế bào phân chia.

Câu 24. Sự sinh sản của tế bào có ý nghĩa:

A. Giúp tăng số lượng tế bào
C. Giúp cơ thể lớn lên
B. Thay thế các tế bào già, các tế bào chết
D. Cả A,B, C đúng

**Câu 25.** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ là:

A. Có màng tế bào
C. Có nhân
B. Có tế bào chất
D. Có nhân hoàn chỉnh

**Câu 26.**Tế bào động vật và thực vật khác nhau ở chỗ:

A. Có nhân
C. Có thành tế bào
B. Có màng tế bào
D. Có ti thể

**Câu 27.**Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn cơ thể đơn bào:

A. Nấm men, vi khuẩn, trùng biến hình
C. Trùng biến hình, nấm men, con bướm
B. Nấm men, vi khẩn, con thỏ
D. Con thỏ, cây hoa mai, cây nấm

**Câu 28.** Sắp xếp theo đúng trình tự các bước để quan sát được tế bào biểu bì vảy hành:

A. Bóc 1 vảy hành tươi ra khỏi củ và dùng kim mũi mác rạch một ô vuông (1cm2).
B. Quan sát ở vật kính 10x rồi chuyển sang 40x.
C. Sau đó đậy lá kính lại rồi đưa lên quan sát.
D. Dùng kẹp dỡ nhẹ vảy cho vào bản kính có nhỏ giọt nước cất.

Trình tự sắp xếp đúng là:

A. A → B → C → D
C. A → C → B → D
B. A → D→ C →B
D. B → C → D → A

**Câu 29.**Tế bào có 3 thành phần cơ bản là:

A. Màng tế bào, ti thể, nhân
C. Màng tế bào, chất tế bào , nhân
B. Màng sinh chất, chất tế bào, ti thể
D. Chất tế bào, lục lạp, nhân

**Câu 30.** Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các cấp tổ chức cơ thể của cơ thể đa bào từ thấp đến cao:

A. Mô → Tế bào → Cơ quan → Hệ cơ quan → Cơ thể
B. Tế bào → Mô → Cơ thể → Cơ quan → Hệ cơ quan
C. Tế bào → Mô → Cơ quan → Hệ cơ quan→ Cơ thể
D. Mô → Tế bào → Hệ cơ quan→ Cơ quan → Cơ thể

**Đáp án Đề thi giữa kì 1 KHTN 6 phần Sinh học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân môn** | **Đáp án Mỗi câu đúng 0,25 điểm** |
| **Sinh học** | 11.C | 12.A | 13.A | 14.A | 15.C | 16.A | 17.D | 18.A | 19.C | 20.A |
| 21.D | 22.D | 23.B | 24.D | 25.D | 26.C | 27.A | 28.B | 29.C | 30.C |

**3. Đề thi giữa kì 1 Khoa học tự nhiên 6 phần Hóa học**

**Phân môn: Hóa học (10 câu – 2,5 điểm)**

**Câu 31:**Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất

A. Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước
C. Bánh mì để lâu bị ôi thiu
B. Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời
D. Cơm nếp lên men thành rượu

**Câu 32:** Chỉ ra đâu là tính chất hóa học của chất

A. Đường tan vào nước
C. Tuyết tan
B. Kem chảy lỏng khi để ngoài trời
D. Cơm để lâu bị mốc

**Câu 33:**Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

A. Tạo thành mây
C. Mưa rơi
B. Gió thổi
D. Lốc xoáy

**Câu 34:** Lọ nước hoa để trong phòng có mùi thơm. Điều này thể hiện:

A. Chất dễ nén được
C. Chất dễ hóa hơi
B. Chất dễ nóng chảy
D. Chất không chảy được

**Câu 35**: Quá trình nào sau đây thải ra khí oxygen

A. Hô hấp
C. Hòa tan
B. Quang hợp
D. Nóng chảy

**Câu 36:**Phát biểu nào sau đây về oxygen là không đúng?

A. Oxygen không tan trong nước
C. Oxygen không mùi và không vị
B. Oxygen cần thiết cho sự sống
D. Oxygen cần cho sự đốt cháy nhiên liệu

**Câu 37:**Quá trình nào dưới đây không làm giảm oxygen trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.
C. Sự quang hợp của cây xanh.
B. Sự cháy của than, củi, bếp ga.
D. Sự hô hấp của động vật

**Câu 38:**Chất khí nào có nhiều trong không khí gây mưa axit

A. Oxygen
C. Cacbon đi oxit
B. Nitrogen
D. Sulfur đi oxit

**Câu 39:**Cho một que đóm còn tàn đỏ vào một lọ thủy tinh chứa khí oxygen. Hiện tượng gì xảy ra?

A. Không có hiện tượng
C. Tàn đỏ từ từ tắt
B. Tàn đỏ tắt ngay
D. Tàn đỏ bùng cháy thành ngọn lửa

**Câu 40:**Để bảo vệ môi trường không khí trong lành cần:

A. Sử dụng năng lượng hợp lí, tiết kiệm
C. Không xả rác bừa bãi
B. Bảo vệ và trồng cây xanh
D. Cả A, B, C

**Đáp án Đề thi giữa kì 1 KHTN 6 phần Hóa học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân môn** | **Mỗi câu đúng 0,25 điểm** |
| **Hóa học** | 31.B | 32.D | 33.C | 34.C | 35.B | 36.A | 37.C | 38.D | 39.D | 40.D |

**2. Đề thi giữa kì 1 Khoa học tự nhiên 6 Cánh Diều**

**Phần I: Trắc nghiệm (4,0 điểm)**Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

**Câu 1:** Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

A. Vật lý học.
B. Hóa học và sinh học.
C. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học.
D. Lịch sử loài người.

**Câu 2:**Theo em, việc nghiên cứu sản xuất vacxin phòng Covid 19 thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Bảo vệ sức khoẻ và cuộc sống của con người.
B. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.
C. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế
D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 3**: Cách sử dụng kính lúp cầm tay là

A. Điều chỉnh ánh sáng bằng gương phản chiếu ánh sáng rồi quan sát.
B. Đặt mặt kính lúp lên vật rồi quan sát.
C. Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách sao cho nhìn rõ vật.
D. Đặt và cố định tiêu bản rồi quan sát. Sử dụng hệ thống ốc điều chỉnh để quan sát rõ vật mẫu.

**Câu 4:**Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu.
B. Hô hấp nhân tạo.
C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó.
D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

**Câu 5:**Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

A. Kính có độ.
B. Kính lúp cầm tay.
C. Kính hiển vi quang học.
D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 6:**Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

A. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội Quy phòng thực hành.
B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
C Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
D. Tất cả các ý trên.

**Câu 7:** Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào.

A. Thước đo.
B. Kính hiển vi.
C. Cân.
D. Kính lúp.

**Câu 8:**Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



A. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.
B. Giới hạn đo là 30 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.
C. Giới hạn đo là 30 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.
D. Giới hạn đo là 3 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm

**Câu 9:**Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

A. lựa chọn thước đo phù hợp.
B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác.
D. đặt vật đo đúng cách.

**Câu 10:**Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. tuần.
B. ngày.
C. giây.
D. giờ.

**Câu 11:**Trong thang nhiệt độ Xen-xi-ớt, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là:

A. 100oC.
B. 0oC.
C. 50oC.
D. 78oC.

**Câu 12:**Nhiệt kế(thường dùng) hoạt động dựa trên

A. sự nở vì nhiệt của chất rắn.
B. sự nở vì nhiệt của chất lỏng.
C. sự nở vì nhiệt của chất khí.
D. cả 3 phương án trên

**Câu 13:**Quan sát tế bào bên và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào:



A. Màng tế bào.
B. Chất tế bào.
C. Nhân tế bào.
D. Vùng nhân.

**Câu 14:**Thành phần chỉ có trong tế bào thực vật:

A. Nhân.
B. Tế bào chất.
C. Màng sinh chất.
D. Lục lạp.

**Câu 15:** Từ 1 tế bào trưởng thành tiến hành phân chia một lần tạo thành số tế bào con là.

A. 4 tế bào con.
B. 6 tế bào con.
C. 2 tế bào con.
D. 3 tế bào con

**Câu 16.** Đặc điểm chỉ có ở tế bào nhân thực là

A. có thành tế bào.
B. có chất tế bào.
C. có nhân và các bào quan có màng.
D. có màng sinh chất.

**Câu 17:** Sinh vật đơn bào là sinh vật được cấu tạo từ

A. hàng trăm tế bào.
B. hàng nghìn tế bào.
C. một tế bào.
D. một số tế bào.

**Câu 18:**Các cấp độ cấu trúc của cơ thể lần lượt là

A. mô → tế bào → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
B. tế bào → mô → cơ quan → hệ cơ quan → cơ thể.
C. tế bào → mô → hệ cơ quan → cơ quan → cơ thể.
D. cơ thể → cơ quan → hệ cơ quan → tế bào → mô.

**Câu 19**: Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

A. Khởi sinh.
B. Nguyên sinh.
C. Nấm.
D. Thực vật.

**Câu 20:**Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

A. Loài -> Chi (giống) -> Họ -> Bộ -> Lớp ->Ngành -> Giới.
B. Chỉ (giống) -> Loài -> Họ -> Bộ -> Lớp -> Ngành -> Giới
C. Giới Ngành -> Lớp -> Bộ -> Họ -> Chi (giống) -> Loài.
D. Loài -> Chi (giống) -> Bộ -> Họ -> Lớp -> Ngành -> Giới.

**Phần 2: Tự luận**(6,0 điểm)

**Bài 1:** (1,5 điểm) Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp,kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đong, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt.

Bạn An thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phép đo** | **Tên dụng cụ đo** |
| 1 | Đo thân nhiệt (nhiệt cơ thể) |  |
| 2 | Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày |  |
| 3 | Đo khối lượng cơ thể |  |
| 4 | Đo diện tích lớp học |  |
| 5 | Đo thời gian đun sôi một lít nước |  |
| 6 | Đo chiều dài của quyển sách |  |

**Bài 2:**(2,5 điểm)

a, Nêu cấu tạo của tế bào thực vật và chức năng của từng thành phần ?

b, Tế bào thực vật khác tế bào động vật ở điểm nào?

c, Vì sao cơ thể thực vật không có bộ xương như động vật nhưng vẫn đứng vững?

**Bài 3:**(2 điểm) Cho một số sinh vật sau: cây khế, con gà, con thỏ, con cá.

a. Em hãy xác định các đặc điểm giống và khác nhau ở những sinh vật trên.

b. Dựa vào các đặc điểm trên hãy xây dựng khoá lưỡng phân để phân chia các sinh vật trên thành từng nhóm?

**2. Đáp án Đề thi giữa học kì 1 lớp 6 KHTN Cánh Diều**

**Phần I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)**

*- Mỗi câu trả lời đúng được 0,2 điểm*

*- Đáp án:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | D | A | C | D | C | D | C | A | A | C |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đáp án** | A | B | C | D | C | C | C | B | D | A |

**Phần II. Tự luận (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1****(1,5 điểm)** | Lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phép đo** | **Tên dụng cụ đo** |
| 1 | Đo thân nhiệt (nhiệt cơ thể) | Nhiệt kế y tế |
| 2 | Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày | Cốc đong |
| 3 | Đo khối lượng cơ thể | Cân khối lượng |
| 4 | Đo diện tích lớp học | Thước dây |
| 5 | Đo thời gian đun sôi một lít nước | Đồng hồ bấm giây |
| 6 | Đo chiều dài của quyển sách | Thước kẻ |

 | 0,250,250,250,250,250,25 |
| **2****(2,5 điểm)** | a. Cấu tạo của tế bào thực vật gồm:- Thành tế bào: giúp tế có hình dạng nhất định.- Màng sinh chất: bao bọc ngoài chất tế bào.- Chất tế bào : có chứa các bào quan và là nơi diễn ra hầu hết các hoạt động sống của tế bào.- Nhân: điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào.- Không bào trung tâm: chứa dịch tế bào. | 1 |
| b. Khác với tế bào động vật, tế bào thực vật có thêm không bào trung tâm,thành tế bào và lục nạp là bào quan quang hợp. | 1 |
| c. Vì thành tế bào thực vật được tạo nên từ một chất rất bền gọi là cellulose, đóng vai trò bảo vệ và nâng đỡ cơ thể thực vật. giúp thực vật có thể đứng vững. | 0,5 |
| **3****(2 điểm)** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểmSinh vật | Khả năng di chuyển | Môi trường sống | Số chân |
| Cây khế | không | Cạn | - |
| Con gà | có | Cạn | Hai chân |
| Con thỏ | có | Cạn | Bốn chân |
| Con cá | có | Nước | - |

 | 1 |
| b. Vẽ sơ đồ khóa lưỡng phânĐề thi giữa học kì 1 lớp 6 môn KHTN cánh Diều | 1 |

***Chú ý:***

* Học sinh làm cách khác đúng thì căn cứ vào hướng dẫn chấm để chia điểm và cho điểm tối đa.
* Cách làm tròn điểm toàn bài: Làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất.